

HÌNH TƯỢNG TRẺ EM TRONG THƠ CHỮ HÁN HẬU KỲ EDO

BỘ THỊ MAI*

Tóm tắt: Hán thi hay thơ chữ Hán là một thể loại văn học xuất hiện tại Nhật Bản vào thế kỷ VII, dưới ảnh hưởng từ thơ Đường, Trung Quốc. Các nhà thơ Nhật Bản thường học tập và vận dụng các mô típ, điển cố xuất hiện trong thơ ca cổ điển Trung Quốc trong việc sáng tác Hán thi. Tuy nhiên, Hán thi được sáng tác ở giai đoạn hậu kỳ Edo (trong khoảng 100 năm từ nửa sau thế kỷ XVIII đến hết nửa đầu thế kỷ XIX) có một số đặc điểm mới so với các thời kỳ trước. Tiêu biểu trong số đó là đề tài của thơ là những sự vật hiện tượng gần gũi trong cuộc sống của nhà thơ mà không còn bị giới hạn bởi việc sử dụng các điển cố trong thơ ca cổ điển Trung Quốc. Trong số các sự vật hiện tượng đó, trẻ em chính là một đề tài mới của Hán thi hậu kỳ Edo, được các nhà thơ tái hiện trong thơ dưới nhiều góc độ khác nhau. Hán thi hậu kỳ Edo không chỉ mô tả trẻ em từ cái nhìn khách quan của nhà thơ, mà ở đó, trẻ em đã trở thành một hình tượng, hàm chứa những ý nghĩa khác nhau.

Từ khóa: Nhật Bản, Hán thi, Thời kỳ Edo, Trẻ em

Có thể nói đặc trưng lớn nhất của Hán thi hậu kỳ Edo là tính hiện thực, các nhà thơ lựa chọn và tập trung vào những đề tài gần gũi với cuộc sống thực tế. Phong cách của Hán thi cũng tự do hơn, không đi theo những điển cố từ thơ ca Trung Quốc mà các nhà thơ có thể lựa chọn bất kỳ đối tượng nào làm đề tài cho thơ. Trẻ em là một trong những đối tượng đó. Bởi ở bất cứ bối cảnh nào trong cuộc sống, nhà thơ cũng có thể tiếp xúc với trẻ em. Từ không gian thân thuộc với nhà thơ như gia đình, trường học, hay không gian bên ngoài gia đình và trường học như khung cảnh làng quê, thành thị. Trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích những đối tượng trẻ em được mô tả

trong Hán thi hậu kỳ Edo theo một số không gian nói trên, từ đó làm rõ ý nghĩa của sự xuất hiện trẻ em trong những không gian đó.

1. Sự xuất hiện của trẻ em trong Hán thi hậu kỳ Edo

Trước hết, để có thể phân tích hình ảnh trẻ em trong Hán thi, việc xác định khái niệm trẻ em trong đó là điều cần thiết. Ở thời kỳ Edo, trên 15 tuổi được coi là người trưởng thành hay người lớn, do đó trẻ em được coi là những đối tượng thuộc độ tuổi từ 15 trở xuống. Tuy nhiên, trong Hán thi, không có khái niệm rõ ràng về trẻ em, cũng nhưng rất ít nhà thơ đề cập đến độ tuổi của trẻ em. Trẻ em là đối tượng được nhìn nhận theo cách nhìn chủ quan của mỗi nhà thơ. Đó là một thể giới con người khác với thể giới mà nhà thơ đang tồn tại (thể giới người

* Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

lớn). Những con người thuộc thế giới đó có vẻ bề ngoài, hành động và lời nói khác biệt so với con người thuộc thế giới của nhà thơ với các đặc trưng chính về tính cách như ngây thơ, trong sáng... Về mặt ngôn từ, trẻ em trong Hán thi được nhà thơ nhắc đến bằng các danh từ chỉ trẻ em như 兒童 (nhị đồng), 稚兒 (trĩ nhi), 幼兒 (ấu nhi), 乳兒 (nhũ nhi)...

Hán thi hậu kỳ Edo có ba phạm vi không gian mà trẻ em được mô tả nhiều nhất là gia đình, trường học và khung cảnh làng quê. Ba không gian này có thể phân chia theo hai nhóm là không gian “bên trong” và không gian “bên ngoài”. Gia đình, trường học là không gian trong đó nhà thơ và trẻ em cùng tồn tại và có mối quan hệ thân thiết với nhau hay nói một cách khác, trẻ em là đối tượng nhà thơ biết rõ bởi đó là con cái hoặc học trò của mình. Ngược lại, khi nhà thơ rời khỏi không gian “bên trong” đó và bước ra không gian “bên ngoài”, thì lại có sự thay đổi trong mối quan hệ giữa nhà thơ với trẻ em. Trẻ em ở thế giới “bên ngoài” chủ yếu là các đối tượng nhân vật nhà thơ gặp ở khung cảnh làng quê, lọt vào mắt nhà thơ, nhà thơ và trẻ em trong không gian này có thể không quen biết nhau, nhà thơ lần đầu tiên tiếp xúc với những đối tượng trẻ em này.

1.1. Trẻ em trong gia đình và trường học

Trước hết ở không gian “bên trong” bao gồm gia đình và trường học, thì gia đình là không gian đầu tiên mà trẻ em tồn tại. Trẻ em trong gia đình được mô tả trong Hán thi hậu kỳ Edo thường là con cái hoặc cháu của nhà thơ. Đó có thể là hình ảnh một em bé

còn trong giai đoạn nữ nhi, cũng là con trai của nhà thơ Rai Sanyou (頼山陽, 1780-1832) được ông miêu tả trong một bài thơ với những so sánh rất độc đáo:

拳如山蕨半舒芽
膚似海榴新脫花
只管啼叫覓母乳
嬌瞳猶未識爺爺¹

(*Âm Hán Việt*:

Quyền như sơn quyết bán thư nha,
Phu tựa hải lựu tân đoài hoa.
Chỉ quản đề khiêu mịch mẫu nhũ,
Kiểu đồng đo vị thức gia gia.

Dịch ý:

Nắm tay như nhánh cây non mới nhú ra một nửa,

Làn da như lựu kết trái sau khi hoa mới tàn.

Chỉ mỗi la khóc đòi sữa mẹ,

Ánh mắt yêu kiều nhưng chưa nhận ra cha).

Hay Murase Koutei (村瀬栲亭, 1744-1819) khi mô tả về cháu của mình xuất hiện ở một tình huống xảy ra trong gia đình:

燈前不識蛙頭字
双鏡倩明架鼻梁
驚地拭眵揩不著
稚孫拍手笑疎狂²

(*Âm Hán Việt*:

Đăng tiền bất thức oa đầu tự,

Song kính thỉnh minh giá ti lương.

¹ 中村真一郎 (1985), *江戸漢詩*, 岩波書店, 東京 (Nakamura Shinichirou (1985), *Hán thi Edo*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo), tr. 159.

² 中村真一郎 (1985), *江戸漢詩*, 岩波書店, 東京 (Nakamura Shinichirou (1985), *Hán thi Edo*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo), tr. 145.

Mạch địa thức si giai bất trước,

Trĩ tôn phách thủ tiểu sơ mang.

Dịch ý:

Trước đèn không nhận biết được chữ viết bé,

Nhờ có kính đeo ở sống mũi để nhìn rõ hơn.

Vội vàng lau gò mắt mà quên tháo kính,

Cháu nhỏ vỗ tay cười sự luống cuống của ông).

Qua hai bài thơ của Sanyou và Koutei có thể thấy được trẻ em là một thành viên trong gia đình nhà thơ, được tái hiện một cách chân thực qua thơ, hay nói cách khác đó chính là tính hiện thực của Hán thi hậu kỳ Edo được thể hiện qua việc mô tả trẻ em.

Tuy nhiên việc mô tả trẻ em trong gia đình không chỉ dừng lại ở việc tái hiện lại những khung cảnh có thật với sự xuất hiện của trẻ em mà còn là thông qua sự liên tưởng của nhà thơ tới trẻ em để qua đó biểu lộ tâm tư, tình cảm của mình.

Okubo Shibutsu (大窪詩仏, 1767-1837) trong một bài thơ viết về tâm trạng của mình khi xa gia đình có nhắc đến con cái ở một ý thơ:

老子遠旅雖為口

稚兒入夢奈關心³

(Âm Hán Việt:

Lão tử viễn lữ tuy vị khẩu

Trĩ nhi nhập mộng nại quan tâm

Dịch ý:

Tuổi già phải đi xa là để sinh tồn

Thấy con thơ trong giấc mơ cũng chẳng biết làm sao).

Hình ảnh con cái hiện lên trong giấc mơ của Shibutsu chính là hình ảnh của gia đình. Một gia đình có con cái là một gia đình với không khí vui vẻ, ấm cúng. Thế nhưng, Shibutsu phải sống xa gia đình vì mưu sinh do đó hình ảnh con cái xuất hiện trong giấc mơ của ông càng làm cho nỗi buồn khi xa gia đình được đẩy lên cao.

Bên cạnh đó, trẻ em không chỉ là một thành viên trong gia đình mà còn là đại diện của thế hệ đi sau, được người lớn đặt vào đó những kỳ vọng cho tương lai. Thông qua những kỳ vọng ấy ở thế hệ đi sau, nhà thơ cũng nhìn lại chặng đường mình đã đi qua, trong đó có những thất bại và mong muốn con cái mình sẽ không vấp phải những thất bại đó. Nhà thơ Narushima Ryuuoku (成島柳北, 1837-1884) đã nhấn nhủ tới con cái của mình qua một bài thơ:

願爾師古人

孜孜借寸晷

葆光仍蠖屈

平素戒汰侈

世間多猜妬

動難免謗譽

乃翁既一悔

爾其勿再矣⁴

(Âm Hán Việt:

³ 掛斐 高 (1990), *江戸詩人選集 (第5巻) 市河寛斎・大窪詩仏*, 東京 (Ibi Takashi (1990), *Tuyển tập nhà thơ Edo, Quyển 5, Shikawa Kansai, Ookubo Shibutsu*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo), tr. 259.

⁴ 日野 龍夫 (1990), *江戸詩人選集 (第10巻) 成島柳北・大沼枕山*, 岩波書店、東京 (Hino Tatsuo (1990), *Tuyển tập nhà thơ Edo, quyển 10, Narushima Ryuuoku, Oonuma Chinzan*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo), tr. 104-105.

Nguyện nhĩ sư cô nhân
 Tư tư tích thôn quỹ
 Bảo quang nhưng hoạch khuất
 Bình tổ giới thái xi
 Thế gian đa sai đồ
 Động nan miễn báng tị
 Nãi ông kỳ nhất hồi
 Nhĩ nễ vật tái hỷ

Dịch ý:

Mong con nỗ lực học hỏi cố nhân
 Biết quý trọng thời gian
 Giữ gìn tài năng, chịu thua kém chờ thời

cơ

Thận trọng với những gì hoang phí
 Trong thế gian có nhiều kẻ đồ kị
 Không tránh khỏi bị chê trách
 Ta cũng hối hận bởi chính điều đó
 Mong sao con đừng lặp lại).

Rời khỏi môi trường gần gũi với mình nhất là gia đình, trẻ em sẽ bước ra thế giới bên ngoài, trong số đó có môi trường giáo dục. Thời kỳ Edo, việc giáo dục cho trẻ em được đặc biệt coi trọng, phần lớn trẻ em có thể tham gia học tại các terakoya (寺小屋: trường học dành cho trẻ em được tổ chức trong các chùa), bên cạnh đó là shijuku (私塾: trường học tư nhân). Các trường học tư nhân này do các cá nhân là tầng lớp trí thức trong xã hội mở ra và vận hành trong đó có trường học của các nhà thơ thời kỳ Edo tổ chức để dạy chữ cho trẻ em. Tiêu biểu trong số đó là Kan Chazan (菅茶山, 1748-1827) với rất nhiều tác phẩm thơ viết về trẻ em trong trường học của mình.

村童日日挾書來
 講席偏愁暑若煨

婦路逢牛臥涼処
 直將牧豎疊騎回⁵

(Âm Hán Việt:

Thôn đồng nhật nhật hiệp thư lai
 Giảng tịch thiên sấu thử nhược ôi
 Quy lộ phùng ngư ngọa lương xử
 Trực tương mục thụ điệp kỳ hồi

Dịch ý:

Trẻ con trong thôn hàng ngày mang sách đến.

Lớp học nóng như thiêu đốt thật lo lắng.

Trên đường về thấy bò đang ngủ dưới bóng mát,

Nhanh chóng cùng với mục đồng leo lên rồi đi về).

Sở với các nhà thơ khác cùng thời kỳ, có thể nói Chazan là nhà thơ với nhiều sáng tác nhất về trẻ em trong trường học. Có hai nguyên nhân dẫn đến điều này. Thứ nhất, Chazan là nhà thơ hậu kỳ Edo với phong cách thơ ảnh hưởng của Tổng thi Trung Quốc: coi trọng lối tả thực. Những sự vật diễn ra trước mắt đều được Chazan tái hiện lại hết sức chân thực qua thơ. Hai là tình cảm của Chazan giành cho trẻ em. Với một người không có con cái như Chazan thì có lẽ trẻ em trong trường học chính là một trong những đối tượng gần gũi nhất với nhà thơ, như một thành viên trong gia đình. Trẻ em được ông quan sát tỉ mỉ và tái hiện trong thơ ở rất nhiều góc độ khác nhau.

1.2. Trẻ em trong khung cảnh làng quê

⁵ 島谷 真三、北川 勇 (1975)、著茶山詩五百首—黄葉夕陽村舎詩抄解、児島書店、広島 (Shimatani Shinzou, Kitagawa Isamu (1975), 500 bài thơ của Kan Chazan, Chú giải tập thơ "Hoàng điệp tịch dương thôn xã". Nxb Kojimashoten, Hiroshima), tr. 143.

Gia đình và trường học là không gian bên trong, nơi nhà thơ phần nào đó hiểu rõ hoặc có mối quan hệ tương tác với trẻ em. Tuy nhiên, khi bước ra khỏi không gian bên trong đó thì trẻ em xuất hiện ở khung cảnh làng quê phần lớn là những đối tượng nhà thơ chưa quen biết, gặp gỡ lần đầu và trở thành đối tượng được mô tả trong thơ.

Shikawa Kansai (市河寛斎, 1749-1820) trong bài thơ miêu tả về khung cảnh làng quê với sự xuất hiện của trẻ em đã viết:

四五邨童聚野橋
東西相趁漚魚苗
一兒忽走柳邊去
承得秋蛸獨自驕⁶

(*Âm Hán Việt:*

Từ ngũ thôn đồng tụ dã kiều

Đông tây tương sấn lộc ngư miếu

Nhất nhi hốt tẩu liễu biên khứ

Thừa đắc thu điều độc tự kiều

Dịch ý:

Bốn năm đứa trẻ tụ tập chơi ở cầu,

Đầy đó đuổi bắt nhau, lộc tim lấy cá con.

Bỗng nhiên một đứa chạy tới dưới cây liễu,

Vẽ mặt hãnh diện vì có ve sầu mùa thu).

Khung cảnh làng quê với sự xuất hiện của trẻ em đang vui chơi được Kansai chứng kiến và tái hiện trong thơ một cách chân thực. Qua đó cũng thấy được sự vô tư và ngây thơ của trẻ em với những niềm vui rất giản dị.

Khác với Kansai với việc mô tả khung cảnh làng quê trong đó trẻ em là một phần của khung cảnh đó, Ryoukan (良寛 1758-1831), một nhà thơ hậu kỳ Edo lại có những mô tả khác về trẻ em. Trẻ em trong khung cảnh làng quê được nhắc đến trong thơ của Ryoukan không hẳn là những đối tượng xa lạ mà đó là trẻ em hàng ngày cùng vui chơi với Ryoukan. Ryoukan luôn hòa mình vào thế giới của trẻ em, vui chơi với trẻ em ở làng quê quanh nơi ông sống. Nhắc đến Ryoukan, người ta sẽ hình dung ngay đến khung cảnh ông đang vui chơi cùng trẻ em bởi số lượng tác phẩm Ryoukan viết về trẻ em tương đối lớn, ông còn được gọi là nhà thơ của trẻ em. Việc vui chơi với trẻ em cũng chính là một phần trong cuộc sống của Ryoukan.

也與兒童闌百草

闌去闌來轉風流

日暮寥寥人掃後

一輪明月凌素秋⁷

(*Âm Hán Việt:*

Dã dư nhi đồng đầu bách thảo

Đầu khứ đầu lai chuyển phong lưu

Nhật mộ liêu liêu nhân quy hậu

Nhất luân minh nguyệt lãng tổ thu

Dịch ý:

Lại chơi kéo cỏ với trẻ con,

Kéo đi kéo lại mãi không chán.

Mặt trời lặn xuống, tĩnh mịch sau khi chúng đã về,

⁶ 掛斐 高 (1990)、江戸詩人選集 (第5巻) 市河寛斎・大窪詩仏、東京 (Ibi Takashi (1990), *Tuyển tập nhà thơ Edo, Quyển 5, Shikawa Kansai, Ookubo Shibutsu*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo), tr. 166.

⁷ 東郷 豊治 (1962)、良寛詩集、創元社、大阪 (Touyou Toyoharu (1962), *Ryoukan Thi tập*, Nxb Sogensha, Osaka), tr. 10.

Một vầng trăng lên còn đẹp hơn trăng mùa thu).

2. Hình tượng trẻ em trong Hán thi hậu kỳ Edo

2.1. Phát hiện của nhà thơ về hình tượng trẻ em

Qua những tác phẩm Hán thi trên có thể thấy được trẻ em được mô tả một cách chân thực trong thơ từ đặc điểm ngoại hình cho hành động. Đó cũng chính là đặc điểm của Hán thi hậu kỳ Edo dưới ảnh hưởng của Tống thi và thuyết Tính linh từ Trung Quốc: phủ định tính cách điệu của thơ Đường, và coi trọng lối tả thực, sự cần thiết của tính cá nhân trong thơ.

Chính lối tả thực này đã đem lại một đề tài mới cho Hán thi hậu kỳ Edo là trẻ em. Trong mỗi tác phẩm thơ có thể phân biệt hai yếu tố là đề tài và chất liệu. Đề tài là đối tượng chính mà nhà thơ muốn truyền tải qua tác phẩm của mình và chất liệu là những yếu tố có trong thơ để bổ sung và hoàn thiện cho đề tài. Ví dụ: đề tài về khung cảnh làng quê, thì trong đó chất liệu có thể bao gồm: thiên nhiên, con người, tương tác giữa con người và thiên nhiên.

Nhà thơ với mục đích ban đầu là tái hiện lại những gì trước mắt qua thơ: đó có thể là cảnh thiên nhiên ở làng quê, cuộc sống gia đình như những đề tài của thơ. Trong khung cảnh đó, có sự xuất hiện của trẻ em, vì vậy nhà thơ đã đưa trẻ em vào thơ như một chất liệu cùng với những chất liệu khác để hình thành một tác phẩm thơ. Tuy nhiên, qua quá trình quan sát và mô tả trẻ em như một chất liệu, nhà thơ đã phát hiện ra một thế giới

mới, một thế giới với những đặc trưng khác với thế giới mà nhà thơ đang tồn tại – thế giới người lớn. Nếu khai thác thế giới đó bằng việc tiếp cận ở nhiều khía cạnh khác nhau sẽ tạo nên sự phong phú và đa dạng cho thơ. Chính bởi vậy, có thể nói các nhà thơ đã phát triển hình ảnh trẻ em từ khía cạnh chi đơn thuần là một chất liệu của thơ để trở thành đề tài của thơ. Trẻ em với tư cách là đề tài của thơ, nhà thơ tiếp tục đi sâu vào khai thác đề tài đó dưới nhiều góc độ như: ngoại hình, tính cách, lời nói, hành động. Từ đó, trẻ em trở thành một đề tài được sáng tác rộng rãi trong Hán thi hậu kỳ Edo.

Tuy nhiên, dù trẻ em xuất hiện trong Hán thi như một đề tài hay chất liệu, thì trẻ em không chỉ được mô tả một cách đơn thuần về ngoại hình hay hành động. Trẻ em là một thế giới rất đặc biệt trong mối quan hệ với nhà thơ: có hai đối tượng chính trong thơ là thiên nhiên và con người. Trẻ em và nhà thơ đều thuộc thế giới con người, nhưng hai thế giới con người ấy lại là hai thế giới đối ngược nhau: thế giới của trẻ em và thế giới của người lớn. Và mỗi con người thuộc hai thế giới ấy lại nhìn con người thuộc thế giới còn lại theo một cách riêng. Đối với nhà thơ, trẻ em với những đặc điểm như ngây thơ, vô tư, không vị kỉ, trong sáng, chưa mang những nỗi phiền muộn mà người lớn có. Đó chính là sự đối lập lớn nhất của hai thế giới.

Qua sự vô tư của trẻ em, những phiền muộn nhà thơ được khắc họa rõ hơn như trong một tác phẩm của mình, Chazan có viết:

兒童喚其侶
欣欣戲路岐
傷此單居客
幽懷將訴誰⁸

(*Âm Hán Việt*:

Nhi đồng hoán kỳ lữ
Hân hân hý lộ kỳ
Thương thử đơn cư khách
U hoài tương tở thù

Dịch ý:

Trẻ em gọi bạn bè,
Vui vẻ đùa nghịch ở ven đường.
Buồn thay vị khách một mình ở nơi đây,
Với nỗi u hoài biết kêu ai).

Bài thơ này được sáng tác trong bối cảnh Chazan rời xa quê hương và một mình sống ở Kyoto. Vị khách được nhắc đến trong câu thơ thứ ba cũng chính là Chazan. Sự cô đơn khi xa quê hương của Chazan càng trở nên mạnh mẽ hơn khi đối lập với tâm trạng ấy là bên ngoài kia có sự vui vẻ của trẻ em đang chơi đùa với bạn bè.

Hay Ryoukan, không chỉ với những sáng tác kể về việc vui chơi hàng ngày với trẻ em, trong một bài thơ được sáng tác khi nhà thơ bị ốm, ngoài việc miêu tả về tình trạng của cơ thể, sự cô đơn của mình, ở hai câu thơ cuối, nhà thơ đã nhắc đến trẻ em:

陌上諸童子
依旧待我臻⁹

(*Âm Hán Việt*:

Mạch thượng chư nhi đồng
Ý cựu đãi ngã chân
Dịch ý:

Trẻ con ở trên đường
Đợi tôi trở lại như ngày xưa).

Khi đau ốm, việc nhà thơ liên tưởng đến trẻ em vừa khắc họa nên sự đối lập giữa trẻ em và người lớn về mặt thể xác: sự đau yếu của tuổi già đối lập với sự khỏe mạnh của trẻ em, bên cạnh đó là sự đối lập về tinh thần: trong lúc cô đơn, buồn bã người ta thường nhớ về những điều vui vẻ, hạnh phúc. Với Ryoukan, niềm vui của ông chính là được vui chơi với trẻ em ở bên ngoài kia, sự cô đơn và buồn bã của Ryoukan khi ốm đau đối lập với sự vui vẻ của ông khi hòa mình trong thế giới trẻ em.

2.2. Ý nghĩa của hình tượng trẻ em

Qua những tác phẩm Hán thi hậu kỳ Edo, có thể thấy được trẻ em không chỉ là một đối tượng con người được đơn thuần tái hiện lại trong thơ, mà các nhà thơ thông qua hình ảnh trẻ em để truyền đạt những ý nghĩa khác nhau.

Một là, mối quan hệ đối lập giữa trẻ em và người lớn. Đó chính là sự trong sáng và ngây thơ của trẻ em đối lập với những phiền muộn và lo toan của người lớn. Trẻ em có thể chưa có những hiểu biết và kiến thức như người lớn nhưng sống một cách vui vẻ. Chính sự khác biệt đó giữa trẻ em và người lớn đã làm rung động trái tim nhà thơ, để nhà thơ lựa chọn và mô tả trẻ em trong thơ của mình. Trẻ em trong thế giới của mình hàng ngày vui chơi và tìm niềm vui trong đó, còn nhà thơ sống trong sự cô đơn và phiền

⁸ 西原千代 (2010), *苔茶山*, 白帝社, 東京 (Nishihara Chiyō (2010), *Kan Chozan*, Nxb Hakuteisha, Tokyo), tr. 542.

⁹ 入矢義高 (2006), *良寛詩集*, 平凡社, 東京 (Iriya Yoshitaka (2006), *Ryoukan Thi tập*, Nxb Heibonsha, Tokyo), tr. 364.

muốn, dường như đã quên mất niềm vui trong cuộc sống của mình là gì. Cũng có những nhà thơ như Chazan hay Ryoukan, với tính cách yêu thích trẻ em, không chỉ quan sát trẻ em vui chơi mà trực tiếp bước vào thế giới của trẻ em, vui chơi cùng trẻ em qua đó để được sống trong một thế giới của những niềm vui, khác với thế giới mình đang tồn tại.

Hai là, trẻ em chính là hình ảnh của gia đình. Nhắc đến một gia đình trong đó có trẻ em, có thể hình dung đó là một không khí gia đình hạnh phúc. Đối với nhà thơ, không khí gia đình hạnh phúc đó cũng là không gian đối lập với những sự phức tạp của cuộc sống bên ngoài. Đó chính là sự đối lập giữa “bên trong” và “bên ngoài”

Ba là, trẻ em cũng là đại diện cho thế hệ đi sau. Thông qua trẻ em, nhà thơ có thể nhìn lại quá khứ của mình, về chặng đường mình đã đi qua. Cũng như vậy, trẻ em cũng sẽ bước đến giai đoạn trưởng thành, bước vào thế giới người lớn như nhà thơ. Nhà thơ nhìn vào trẻ em với mong muốn sẽ không trải qua những thất bại như bản thân mình cũng như kỳ vọng vào một tương lai tốt đẹp sẽ đến với trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 日野 龍夫 (1990)、江戸詩人選集 (第 10 卷) 成島柳北・大沼枕山、岩波書店、東京 (Hino Tatsuo (1990), *Tuyển tập nhà thơ Edo, quyển 10, Narushima Ryuuohoku, Oonuma Chinzan*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo).

2. 揖斐 高 (1990)、江戸詩人選集 (第 5 卷) 市河寛斎・大窪詩仏、東京 (Ibi Takashi (1990), *Tuyển tập nhà thơ Edo, Quyển 5, Shikawa Kansai, Ookubo Shibutsu*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo).

3. 入矢義高 (2006)、良寛詩集、平凡社、東京 (Iriya Yoshitaka (2006), *Ryoukan Thi tập*, Nxb Heibonsha, Tokyo).

4. 中村真一郎 (1985)、江戸漢詩、岩波書店、東京 (Nakamura Shinichirou (1985), *Hán thi Edo*, Nxb Iwanami Shoten, Tokyo).

5. 西原千代 (2010)、蒼茶山、白帝社、東京 (Nishihara Chiyo (2010), *Kan Chazan*, Nxb Hakuteisha, Tokyo).

6. 島谷 真三、北川 勇 (1975)、蒼茶山詩五百首一黄葉夕陽村舎詩抄解、児島書店、広島 (Shimatani Shinzou, Kitagawa Isamu (1975), *500 bài thơ của Kan Chazan, Chủ giải tập thơ "Hoàng diệp tịch dương thôn xá"*, Nxb Kojimashoten, Hiroshima).

7. 東郷 豊治 (1962)、良寛詩集、創元社、大阪 (Touhou Toyoharu (1962), *Ryoukan Thi tập*, Nxb Sogensha, Osaka).